

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thế Yên và ông Nguyễn Văn Thống

-Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX - ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số: 26/TB-TA ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị H, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh Vi Văn C, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Anh C vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Bàn Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vi Văn C trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 26-10-

2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi sinh con xong thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C uống rượu say, cờ bạc, về nhà còn đập phá đồ đạc trong nhà. Mặc dù chị đã khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái sinh sống. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn C.

Về nuôi con chung: Chị và anh Vi Văn C có 01 con chung là Vi Gia B, sinh ngày 08-7-2019. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Anh Vi Văn C trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như lời trình bày của chị H là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng làm ăn thua lỗ nên xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của Chị H là đúng. Sau đó, chị H mang con đi khỏi nhà khoảng 06 tháng rồi lại trở về nhà. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H vẫn còn và không nhất trí ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Vi Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị Bàn Thị H và anh Vi Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bàn Thị H và anh Vi Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 26-10-2015, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh C đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn thua lỗ, anh C có uống rượu say về đập phá đồ đạc, chị H có khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù, anh C không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng không tìm ra được biện pháp tích cực nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Bàn Thị H và anh Vi Văn C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị H là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Bàn Thị H được ly hôn anh Vi Văn C.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Bàn Thị H và anh Vi Văn C có một con chung là Vi Gia B, sinh ngày 08-7-2019. Chị H và anh C đều có nguyện vọng giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Bàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bàn Thị H được ly hôn anh Vi Văn C.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Vi Gia B, sinh ngày 08-7-2019 cho chị Bàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Vi Văn C không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0001695 ngày 30-5-2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận chị Hiền đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã P ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga